



Hoàng Dungdc

Đã lâu rồi, nhưng vẫn cứ nhớ như in, hôm nay xin ghi lại.
Đặc biệt dâng tặng cho những người đồng hành, cùng vượt
biển Đông vào đầu tháng 5, 1977.

Cuộc di tản bằng biển của tôi là một trong hằng triệu câu
chuyện đi tìm tự do của những người Việt Nam sau tháng
Tư, 1975.

Tôi đã may mắn đến trại tị nạn Songkhla bình an nhưng còn
biết bao nhiêu câu chuyện sinh ly tử biệt rất thương tâm, thê
thảm mà mỗi lần hồi tưởng vẫn xót xa thương quá thân phận
dân Việt và *Thương Quá Việt Nam*.

Thật Kỳ Diệu

(Trích trong sách *Biển Và Cá*, ấn bản thứ Nhất, tháng Tư năm 2019 tại Hoa Kỳ)

Sáng nay tôi và chồng nằm cạnh bên nhau, cùng nhìn vào quá khứ tôi nhắm tính và buột miệng:

- Ôi! Mới đó mà đã hơn 44 năm rồi, thật là kinh khủng!

Ông chồng của tôi cũng phụ họa:

- Ủ, sắp 50 năm chứ ít sao!

Chúng tôi gặp nhau, yêu nhau, xa nhau rồi gặp lại nhau, lấy nhau, chung sống, sinh con đẻ cái... Mọi chuyện cứ trôi đi tuồn tuột, dưới sự bảo vệ của một đảng tối cao, thiêng liêng huyền bí nào đó. Thật kỳ diệu!

Điều kỳ diệu đó cũng đã thật nhiều lần giúp cho tôi thoát nguy. Và lần nguy hiểm nhất là lần tôi vượt biển...

Tháng Tư Đen 1975 tôi bị kẹt lại như hàng triệu triệu con người Việt Nam còn kẹt lại dưới một chế độ mà cả thế giới này lúc nào cũng muốn chối bỏ, vì nó quá là khủng khiếp: chế độ Cộng Sản.

Tháng Năm 1977 tôi được 20 tuổi, má tôi lẳng lặng sắp xếp cho tôi một cuộc hành trình vượt biển Đông mà không hề hỏi ý kiến của tôi. Lúc đó phong trào vượt biển còn rất mới, thông tin còn rất giới hạn, thư từ gửi về toàn nói xa nói gần, không có gì là chính xác. Chưa nghe đề cập gì đến hải tặc, sóng gió, đắm tàu, hoặc nguy hiểm gì cả. Tin về đến Việt Nam toàn là tin vui, cho nên mọi người cứ ùn ùn kéo nhau tìm đường vượt biên, cả đường bộ lẫn đường biển.

Tôi là một đứa con gái thuộc loại “cắm cung”, ngoài việc đi học rồi về nhà, tôi không có thói quen đàn đúm bạn bè rong chơi, vả lại ba má tôi cũng chẳng bao giờ cho phép. Tôi tới ngày chỉ biết lay hoay suy ngẫm cuộc đời qua từng trang sách

vở. Sau tháng Tư, 1975 tôi có hòa nhập vào cuộc đời, có dịp theo người ta đi buôn thúng, bán bưng kể cả “buôn lậu” nữa nhưng tất cả đều rất ngắn hạn, trải qua như một giấc mơ. Tôi chưa kịp rút tĩa một chút kinh nghiệm thực tế nào, thì xảy ra câu chuyện vượt biển. Người ta nói “điếc không sợ súng” cho nên tôi chẳng thấy lo lắng hay sợ hãi chút nào.

Tôi là một đứa con gái ngoan trong gia đình, luôn luôn triệt để vâng lời má tôi, cho nên má tôi bảo đi thì tôi đi. Tôi ra đi và đã bỏ lại tất cả, gia đình thân quyến, cha mẹ anh em, nhất là hai đứa em thân yêu mà chính tay tôi đã chăm sóc chúng nó từ nhỏ và cả một mối cảm tình vừa mới chớm nở! Tôi ra đi, trong một tâm trạng mơ mơ, hồ hồ, trong đầu không có một khái niệm nào cả.

Chuyến vượt biển này là do gia đình bên chồng của chị Ba tôi tổ chức. Đáng lẽ tôi sẽ đi cùng với gia đình anh chị tôi, nhưng vì họ đã không sắp xếp kịp, nên kỳ này chỉ có một mình tôi đi thôi, thật là thân gái dặm trường.

Hôm đó, sáng sớm của một ngày đầu tháng 5, 1977 tôi tới nhà chị Ba của tôi ở Phú Nhuận ngồi đợi vì người tổ chức dặn rằng sẽ cho người tới đón. Chờ đến chiều vẫn chưa có động tĩnh gì, tôi bỗng cảm thấy nhức đầu, bèn hỏi anh chị tôi:

- Anh chị Ba ơi nhà có Optalidon không? Em thấy nhức đầu quá!

Nhà không có sẵn thuốc, chỉ còn mấy viên trụ sinh hôm đưa cháu bị nhức răng, nha sĩ cho uống còn thừa. Ông anh rể nói nhỏ với chị Ba tôi rằng:

- Chắc nó căng thẳng và sợ quá nên nhức đầu, cứ cho nó uống đại mấy viên này nó yên tâm thì sẽ khỏi nhức đầu thôi.

Chị Ba tôi nghe thấy cũng có lý, nên đưa thuốc cho tôi uống mà không nói là thuốc gì, tôi cũng không hỏi và cứ thế mà uống. Vài phút sau, tôi bỗng cảm thấy rất nặng trong lồng ngực, rất khó thở, tiếp đó lại hắt hơi liên tu bất tận và cả cơ thể thì lạnh run lên. Chị Ba tôi vội lấy cái mền trùm lên người tôi. Được một lúc tôi cảm thấy ngộp thở, tung mền ra. Chị Ba hét cả hồn khi trông thấy mặt mày của tôi thâm tím, sung vù. Chị la lên:

- Ôi! Trời ơi nó bị sao vậy?

Ngay lập tức chị nghĩ ngay đến cái hẹn vượt biên và thốt lên:

- Thôi chết, một chút nữa người ta đến đón làm sao nó đi được?

May sao! Hôm đó cuộc vượt biên bị đình lại, không biết vì có gì? Chỉ biết có người tới báo tin là không thể đi ngay được. Hẹn lại vài ba hôm hay một vài tuần gì đó, khi nào thuận tiện họ sẽ báo cho biết, một sự trùng hợp thật lạ lùng.

Ngày hôm sau, mặt tôi cũng đã trở lại bình thường, thuốc trụ sinh mà chị tôi cho tôi uống là thuốc dành cho trẻ con, có liều lượng nhẹ nên tôi không bị ảnh hưởng nhiều. Nhưng cũng nhờ vậy mà tôi biết rằng mình bị dị ứng với trụ sinh, không bao giờ được đụng tới.

Nhớ có một lần tôi mang đôi guốc mới, bị bong một miếng da ở mé bàn chân gần kề ngón cái. Gặp phải hôm trời mưa, con đường nhà tôi bị ngập nước, muốn đi đâu phải lội lồm bồm, vết thương của tôi gặp nước bẩn làm độc sưng đỏ cả lên. Chị Nga, bạn tôi, trông thấy thế, bèn lấy cây tăm khêu một ít thuốc bột trong cái lọ nhỏ, bôi vào vết thương cho tôi.

- Thuốc gì vậy chị Nga?

- À, đây là Penecillin mà trước kia Mỹ viện trợ cho Việt Nam. Thuốc này dành cho các quân nhân phòng khi bị thương cần đến. Thuốc dùng để chữa trị các vết thương cho khỏi bị nhiễm trùng đó em.

Đêm hôm đó, thuốc đã không giúp gì cho vết thương của tôi hết nhiễm trùng mà nó còn làm cho vết thương nơi bàn chân của tôi sưng tấy lên. Tim tôi đập thình thịch, cả cái chân bỗng giật bắn lên cao rồi lại rớt xuống nghe một cái ùng. Cứ như thế nó giật lên, rồi lại rớt xuống ùng ùng. Lúc ấy tôi cảm thấy rất khó thở, không hiểu sao tôi lại bình tĩnh nói với đứa em gái đang ngủ chung:

- Bé ơi, chừng nào chị chết thì nhớ kêu ba nha.

Nó la lên:

- Trời ơi! Tại sao không kêu ngay bây giờ mà lại phải đợi cho đến khi chết rồi mới kêu chứ?

Rồi nó la lên bai bai:

- Ba ơi, coi chị Dung làm sao nè.

Ba tôi nghe nó kêu, hốt hoảng chạy qua phòng tụi tôi. Nghe tôi kể chị Nga đã xúc Penicillin vào vết thương của tôi, ông biết

ngay là tôi bị dị ứng với trụ sinh. Ông vội vã lấy nước nóng rửa vết thương, và cho tôi uống Phenergan để giải thuốc ra khỏi cơ thể của tôi.

Vết thương càng ngày càng lở loét nặng. Không dám dùng thuốc Tây, má tôi bèn mua thuốc dán hiệu con rắn ở tiệm thuốc Bắc về xức cho tôi. Càng xức vết thương càng làm độc, chân tôi cứ sưng vù lên, nhứt nhối không còn đi được nữa. Tôi đã phải nằm một chỗ, treo giò lên cả tháng trời.

Ba tôi quyết định, không được sức bắt cứ một loại thuốc gì cho tôi nữa, cứ giữ gìn sạch sẽ để tự nó lành vậy. May sao, bàn chân tôi rồi cũng lành, thật là hú hồn.

Một tuần sau, theo lời nhắn của người tổ chức vượt biển, chị Ba tôi nhờ chồng của chị ấy đưa tôi tới nhà chú Hoè. Chú Hoè là chú của anh ấy, cũng là người tổ chức vượt biển, ở ngã ba Ông Tạ.

Tại sao người đưa tôi đi không phải là ai, mà lại là ông anh rể của tôi? Là bởi chị tôi rất tin dị đoan, chị ấy nói rằng vía anh ấy rất lành, anh ấy mà đưa đi thì sẽ thuận buồm xuôi gió.

Kỳ tôi đi thi Tú Tài anh ấy cũng là người đưa tôi đi, còn chị Ba tôi thì lục đục dậy sớm nấu xôi đậu cho tôi ăn, cho chắc ăn là tôi sẽ thi đậu, và kết quả là tôi đã đậu... vớt!

Kỳ thi Tú Tài đầu tiên sau tháng 4 Đen năm 1975, được gọi là “Tú Tài Ba Môn”. Một trong ba môn có một môn thi về ngoại ngữ. Bài thi là phiên dịch tiểu sử Bác Hồ từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Không hiểu lúc đó tôi ngớ ngẩn hay vì có máu trào phúng mà tôi đã dịch “Uncle Hồ was born in...” ra là “Chú Hồ đã chào đời vào ngày...” Lúc đó tôi nghĩ, khi mới chào đời ông ấy còn bé tí xíu thì làm sao mà gọi là Bác cho được, vì vậy tôi dịch là Chú Hồ...

May mà hồ sơ cá nhân của tôi, lúc đó có kèm theo giấy giới thiệu là “Gia Đình Cách Mạng”, cho nên mới được vớt vát, không thì chẳng hiểu chuyện gì sẽ xảy ra!

Cũng nên nhắc một chút về tình hình trong những ngày còn rất mới ấy. Thời gian đó, ai có thân nhân đã bị chia cách suốt hai mươi năm, nay tìm gặp lại được nhau thì mừng vô kể. Những người có chức tước, lập tức làm giấy chứng nhận là có liên hệ

gia đình với những thân nhân trong Nam để tỏ lòng quan tâm và có thể còn có tư lợi nào khác.

Gia đình tôi có tới mấy ông chú, ông bác có chức vụ lớn, từ ngoài Bắc chuyển vào Nam làm việc. Mấy ông giành đỡ đầu cho gia đình tôi, nhờ vậy mà chúng tôi không bị bắt đi kinh tế mới, hay bị làm khó dễ gì! Và lại ba tôi là tư chức nên không có vụ đi học tập cải tạo gì cả.

Ít lâu sau, khi biết chúng tôi có ý định vượt biên, mấy ông chú, ông bác ấy cũng có ý khuyên ba tôi nên thực hiện ý định ấy. Có lẽ họ đã ở trong chăn rồi, nên biết chăn có rắn. Nếu chúng tôi ra đi thì nhà cửa của chúng tôi bỏ lại, có lẽ các bác các chú ấy được ưu tiên thừa hưởng!

Trên đường đến nhà chú Hoè, ông anh rể tôi hỏi:

- Mày có muốn ăn gì không? Tao sẽ đưa mày đi ăn bất cứ món gì mày thích vì qua bên đó rồi không có nữa đâu! (Anh rể vẫn xưng mày tao với tôi vì lúc anh ấy cưới chị tôi thì tôi còn bé tí tẹo, 10 tuổi.)

- Không, em chẳng muốn gì cả...

Nhà chú Hoè ở ngã ba Ông Tạ, nhà lầu cao tới ba bốn tầng. Tầng dưới ngoài mặt tiền, thì đang cho người ta thuê dùng để buôn bán, lúc nào cũng có người ra, kẻ vô rần rần. Cho nên đến khi cả nhà, rất đông người, kéo róc đi vượt biên mà Công an phường hay mọi người chung quanh không ai chú ý, hay hay biết gì cả.

Tôi tới trú ngụ ở đó mấy hôm, trước khi lên đường mà cũng không ai để ý hoặc hỏi han chi hết. Thời gian đó còn quá sớm, nhất là ở những thành phố lớn như Sài Gòn, Chợ Lớn, chính quyền mới chưa có đủ người để kiểm soát chặt chẽ.

Chú Hoè cùng gia đình đã đích thân đứng ra tổ chức chuyến đi này vì đã có nhiều kinh nghiệm và học được cách tổ chức của những lần vượt biển thất bại trước kia do người khác tổ chức. Chú Hoè có tám người con, năm trai ba gái, một con rể, một đứa cháu ngoại và một người cháu họ, vị chi là mười ba người. Chú nhận thêm bốn người nữa, để lấy tiền trang trải cho chuyến đi, tôi là một trong số bốn người đó, chi phí mỗi người là ba cây vàng.

Trong số những người đi vượt biển kỳ này, có một người tên Tùng là lính Hải quân, được đi miễn phí, vì chú Hoè nghĩ Tùng sẽ giúp ích cho chuyến hải hành đầy gian nan, nguy hiểm này! Không ngờ anh ta chỉ là lính mới tò te, chưa biết gì về tàu bè lẫn định hướng, thế là huề cả làng.

Nhưng bù lại Tùng có tài nhớ và đọc rất nhiều bài thơ cho chúng tôi nghe. Có hai câu thơ vô cùng độc đáo, khiến tôi nhớ mãi cho tới ngày hôm nay, không chính xác lắm, nó như thế này:

Năm mười ba có lần anh ngó thấy

Em cỡi truồng ngoe nguây cuối vườn trăng...

Sau bốn mươi năm, một hôm tôi chợt nhớ đến và cảm hứng viết bài Hương Bồ Kết mới được biết là của nhà thơ Nguyễn Đức Sơn, chính xác là:

Năm mười bốn có lần tôi ngó thấy

Em cỡi truồng ngoe nguây cuối vườn trăng

Hồn thảo dã trong tôi bùng thức dậy

Khấp bầu trời ướt mượt cả lông măng

(Ấy...ây...coi chừng lạc đề, quay lại câu chuyện thôi.)

Ngoài ra còn có hai gia đình ngư phủ, đang sinh sống ở Long Hương Bà Rịa. Gia đình chú Cửu gồm hai vợ chồng và năm đứa con. Gia đình chú Quảng có hai vợ chồng và một đứa con. Hai gia đình này đã giúp chú Hoè mua ghe, tích trữ xăng dầu và thức ăn. Tất cả hai gia đình gồm mười người, dĩ nhiên là được đi miễn phí và họ còn được hứa hẹn sẽ được chia cho một số vàng để làm vốn khi đến nơi an toàn. Họ tính toán chu đáo, bầy mưu tính kế mất nhiều tháng trường, mới quyết định lên đường.

Theo kinh nghiệm của các ngư phủ thì tháng Năm biển yên sóng lặng, cũng là tháng lý tưởng nhất để ra khơi vì thế chúng tôi đã khởi hành vào giữa tháng 5, 1977. Đúng vào giờ “Hoàng Đạo” tôi đi theo sự hướng dẫn của Hoa, là một trong ba cô con gái của chú Hoè. Hoa cùng trang lứa với tôi, vào khoảng mười tám, mười chín gì đó. Hoa bông em trai út mới được một tuổi, cùng tôi từ ngã ba Ông Tạ ra bến xe đò ở Chợ Lớn, mua vé xe đi Long Hương thuộc tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu.

Hoa có vẻ đã từng đi đi, về về lộ trình này nhiều lần lắm rồi, nên Hoa tỏ ra rất thông thạo đường đi nước bước. Không biết bằng cách nào mà Hoa lại còn chuẩn bị sẵn cả giấy phép mua vé xe đò cho cả ba người chúng tôi nữa. Thời đó, 1977 ai đi đâu cũng phải trình phường, trình xã, xin phép lôi thôi lắm. Vậy mà mọi chuyện cứ xảy ra một cách êm ru bà rù, tôi lớ ngớ chẳng biết gì, cũng chẳng phải làm gì? Cứ việc đi theo Hoa thôi, cô ta bảo sao tôi cứ làm như vậy. Lên xe tôi ngồi cạnh cửa sổ, ngắm trời ngắm đất, chẳng thấy lo lắng gì cả, lòng thật thanh thản cứ làm như mình đang đi du lịch không bằng.

Xe đang chạy bon bon trên quốc lộ 1, hai bên đường dưới trời nắng gắt là ruộng lúa đã được gặt, còn trơ lại các gốc rạ. Hành khách ngồi nghệt cả xe, đang ngủ gà ngủ gật thì Hoa bỗng nhón người lên ra dấu với anh lơ xe đò là chúng tôi muốn xuống khoảng này. Anh lơ xe hiểu ý Hoa ngay, anh lập tức đập thình thình vào thành xe. Bác tài đang lái xe ngon trớn, nghe báo hiệu bác cũng lập tức thắng gấp xe lại nghe một cái két, mọi người giựt mình, ngả nghiêng, tỉnh cả ngủ.

Xe vừa dừng lại, anh lơ xe đã vội bế thóc thẳng bé nhảy xuống trước, hai đứa chúng tôi cũng nhanh nhẹn nhảy xuống theo. Anh lơ xe trả lại thẳng bé cho Hoa rồi phóng trở lên xe, lại đập thình thình vào bên hông xe, bác tài liền sang số chạy vọt, thoáng một cái mà xe đã xa tít mù tấp rồi.

Đứng bên lề đường giữa trời đất mênh mông, tôi nhìn quanh không thấy có đến một bóng người cũng chẳng thấy khu dân cư đâu cả. Một lần nữa Hoa lại tỏ vẻ biết rõ sẽ phải làm gì, đi về hướng nào, Hoa nói nhỏ:

- Minh đi thôi chị.

Hoa bỗng đưa bé, thoăn thoắt băng qua đường bước xuống ruộng, tôi vội bước theo Hoa. Tôi và Hoa trong trang phục quần đen áo bà ba, đầu đội nón lá. Hoa bỗng đưa bé và đi tay không, còn tôi thì cũng rất gọn nhẹ với một túi xách nhỏ khoác trên vai. Hành trang của tôi chỉ vồn vẹn là một chiếc túi xách bằng vải dù màu xanh dương đậm, túi xách này rất tiện lợi có thể đựng được nhiều thứ, khi không cần dùng đến thì có thể xếp nhỏ lại bằng nắm tay, cất vào túi áo hay túi quần gì cũng

được. Cái túi này là vật rất quý giá đối với tôi vì là của người yêu tôi để lại.

Bên trong túi xách có một túi ni-lông nhỏ đựng vật dụng vệ sinh cá nhân, một túi ni-lông khác đựng các giấy tờ hộ thân cùng địa chỉ liên lạc của các thân nhân ở nước ngoài. Ngoài ra trong cái túi xách ấy còn có những mẫu giấy với những giòng chữ thân quen của một vài người bạn, mà tôi không nỡ rời và đã rất buồn vì phải lặng lẽ bỏ ra đi mà không có tới một lời từ biệt! Những mảnh giấy quý giá ấy, đã ở cùng tôi hơn bốn mươi năm rồi, giờ vẫn còn đây, đang nằm trước mặt của tôi đây. Những thứ ấy được gói ghém kỹ lưỡng để khỏi bị thấm nước.

À, còn cả một bộ quần áo dùng để thay đổi, cùng hai bộ đồ lót bằng ren, thuộc loại đắt tiền làm bằng hàng ngoại quốc mà tôi đã mua tại thương xá Passage Eden ở Sài Gòn. Tôi còn nhớ rất rõ hai bộ đồ lót này vì là vật tôi ưa thích nhất và không thể nào không mang theo. Một bộ màu cánh gián trong veo và một bộ màu xanh rêu trong vắt làm bằng ren mỏng, tuyệt đẹp!

Hoa bỗng thẳng bé cùng tôi đang lom khom bước xuống bờ ruộng thì bỗng có một người đàn ông, không biết đã đợi sẵn từ lúc nào, núp ở đâu, đột nhiên xuất hiện, tay ông ta cầm cái mác (một loại dao dài dùng để chặt hay phạt những cây cối, chướng ngại dọc đường). Ông ta đi kè kè bên cạnh chúng tôi. Tôi chưa kịp nghĩ ngợi hay có phản ứng gì, thì Hoa lên tiếng:

- Không sao đâu chị, chú Quảng là người nhà của mình đấy.

Chú Quảng nói nhỏ:

- Hai cô mau vứt bỏ hai chiếc nón lá đang đội trên đầu xuống ruộng đi.

- Tại sao?

- Giữa đồng trống mà đội nón lá, người ta sẽ dễ dàng trông thấy nguy hiểm lắm!

Thế là tôi và Hoa, vội lột hai chiếc nón lá xuống bỏ lại giữa ruộng. Tôi bỗng thấy nhói lên trong lòng, cảm thấy tiếc thật là tiếc hai chiếc nón lá còn mới tinh.

Tiếc đây không phải vì hai chiếc nón lá còn mới tinh mà là bởi lẽ... tôi rất thích đội nón lá, xoa mái tóc dài thơm mùi bồ kết, mặc chiếc áo dài trắng tinh bằng tơ Hồng Hoa, hằng ngày ôm nghiêng tập võ, thướt tha đến trường. Tôi bỏ lại chiếc nón lá

nằm chờ vợ giữa ruộng, mà có cái cảm giác như đã bỏ lại tất cả những gì thuộc về mình, để đi vào một nơi sâu hun hút, không biết có những điều gì đang chờ đón mình ở phía trước. Chúng tôi đang chân thấp, chân cao giữa các thửa ruộng, đầy các gốc rạ khô thì bỗng từ xa có một nhóm người đi ngược lại. Chú Quảng nói nhỏ với chúng tôi. Chú lúc nào cũng nói nhỏ:

- Nếu là bọn Công an thì mình phải thịt chúng nó thôi.

Lúc đó, tôi không hiểu chú nói “thịt” là gì, mấy hôm sau trong khi đang lênh đênh trên biển cả giữa trời nước mênh mông, không biết số phận mình sẽ đi về đâu, tôi bỗng chợt nhớ lại và hỏi chú:

- Này chú Quảng, hôm trên ruộng chú nói “phải thịt chúng nó thôi” có nghĩa là gì thế chú?

- Là giết chúng nó đấy!

- Ôi chời ! (Thật là khủng khiếp.)

May sao, họ chỉ là những nông dân, không để ý gì đến chúng tôi.

Về sau lúc rảnh rỗi chú Quảng nói:

- Hôm đó, tôi trông thấy hai cô cao lớn cùng với thằng nhỏ, tất cả cứ trắng như bông bưởi, đi lơ ngơ giữa ruộng khó mà che mắt được thiên hạ rằng mình là dân cày bừa. Chắc Chúa phù hộ đấy.

Chúng tôi đi sâu vào phía trong, rời khỏi cánh đồng chói chang với những gốc rạ khô cằn.

Chiều dần dần xuống, trời bắt đầu nhá nhem, tôi cảm thấy có một luồng gió mát từ trong thổi ngược về phía chúng tôi, từ xa xuất hiện những đám cây xanh thấp lè tè.

Đang đi tôi bỗng trượt chân lọt xuống một vũng lầy đặc sệt, không hiểu sao lúc đó tôi lại rất bình tĩnh, tôi vội chụp lấy bụi cây nhỏ trong tầm tay rồi níu lấy, cố leo lên. Nhưng càng cố gắng leo lên tôi càng cảm thấy như có cái gì đó ôm chặt lấy hai chân của tôi. Tôi cố cựa quậy để thoát ra, nhưng không được và thấy như bị kéo lún sâu xuống thêm...

Trong đầu tôi lúc ấy bỗng nhớ đến một đoạn phim “Combat” trên truyền hình Mỹ trước thời 75, mà tôi thường hay xem. Trong một đoạn phim có một toán lính đang đi hành quân trong rừng rậm và đột nhiên có vài người bị sa xuống vũng

lầy, họ càng cựa quậy thì càng bị lún sâu xuống, lút cả đầu và bị chôn sống luôn. Biết vậy tôi liền đứng im và la lên kêu cứu. Chú Quảng đang đi phăng phăng về phía trước, nghe tiếng tôi kêu cứu chú vội quay lại. Chú nhanh chóng nhận ra ngay là tôi đang bị sa xuống lầy. Chú vội bảo tôi đứng im, sẵn cái móc trong tay, chú chắt vội một nhánh cây lớn, bảo tôi bám vào đấy rồi chú lấy thế từ từ lôi tôi lên, thật là hú vía.

Chúng tôi tiếp tục đi tới, trời mỗi lúc mỗi nhá nhem hơn, không còn nhìn thấy rõ cảnh vật chung quanh nữa. Chúng tôi, nhất là tôi mình mẩy sinh lầy, lôi thôi lếch thếch đi đến một bờ lạch. Tôi phải phục nạng Hoa, trên tay bế thằng bé bụ bẫm, ú nù suốt chặng đường dài đầy chông gai, giờ này thì chắc đã thấy nặng kinh khủng lắm rồi. Mà thằng bé hay quá, từ trưa tới giờ chẳng thấy nó khóc lóc mè nheo tí nào, không biết Hoa có cho nó uống thuốc ngủ hay không?

Thế rồi tôi chợt nhìn thấy, ngay bên bờ nước có một chiếc... không biết nên gọi là gì nhỉ? Thuyền hay ghe hay tàu, vì trong bóng tối nhá nhem tôi thấy nó bé tí xíu, nó đang trôi bập bênh, trôi lên sụp xuống theo những đợt sóng lớn nhỏ từ ngoài khơi đưa vào. Tôi thoáng nhớ ba tôi có dặn:

- Người ta sẽ đưa mình đi bằng ghe nhỏ ra đến tàu lớn. Tàu lớn chạy một hồi là đến hải phận quốc tế, ra đến đó là an toàn và sẽ có tàu quốc tế đón mình.

Tôi yên trí là tôi đang xuống “ghé” cho nên chẳng thấy lo lắng gì cả. Chú Quảng bảo chúng tôi cứ lội thẳng xuống nước. Chú dìu từng đứa đến bên chiếc ghe, bên trên có người lôi chúng tôi lên, giúi ngay chúng tôi xuống đáy ghe và bảo phải im lặng tuyệt đối. Dưới đáy ghe tối hù, tôi chẳng thấy gì, chẳng biết có những ai?

Bỗng có một người nào đó giúi vào tay tôi một cái ca uống nước có quai và bảo nhỏ rằng:

- Chừng nào thấy buồn nôn, thì cứ nôn vào cái ca này nhá!

Thế rồi thời gian trôi qua như thế nào? Chuyện gì đã từng xảy ra? Tôi hoàn toàn không hay biết gì cả, hình như tôi đã bị chìm vào khoảng không trong một thời gian nào đó. Cho đến khi tôi bỗng giật mình mở choàng mắt ra bởi những tiếng động rất mạnh, tiếng người la lối và một thứ ánh sáng chói

chan rọi thẳng vào mắt của tôi. Cái nắp hầm mà chúng tôi đã từng bị giúi mạnh xuống, bị đóng sập lại một cách vội vã, nay đã được mở toang ra.

Tôi nhìn quanh và nhận thấy mình đang ngồi ngâm nửa người dưới nước, lưng dựa vào thành của đáy ghe, bên cạnh là Hoa đang nằm thiêm thiếp, thẳng em út mà Hoa bỗng bé suốt quãng đường dài nay ở đâu tôi không thấy!

Cái ca có quai được người ta giúi vào tay lúc ban đầu, bảo là dùng để đựng những thứ chất chứa trong người khi nôn ra mà Hoa đang cầm trên tay, thì đang nằm nghiêng ngả đổ hết lên người của tôi.

Nước dưới đáy ghe, chung quanh chúng tôi, thì ôi thôi đang nổi lên phềnh các thứ ối mưa của mọi người, chắc trong đó có cả của tôi, nghĩ lại thật là kinh khủng.

Tôi cảm thấy đầu mình đau ê ẩm, sờ lên thấy có nhiều cục u lớn nhỏ, chắc trong lúc say sóng bị ngất đi, ghe chạy trôi lên sụp xuống hay rượt đuổi với Công an biên phòng gì đó, đã khiến cho đầu của tôi đập tung búng vào thành ghe, nên bây giờ mới có nhiều cục u như vậy. Hoa và mấy người kia chắc cũng chẳng khác gì tôi.

Tôi gượng người đứng dậy nhưng bị té ngòi xuống, không biết hai cái chân của tôi đã bị sao rồi? Chắc vì ngồi một chỗ, lại ngâm dưới nước lâu quá nên chân tê dại đi mất rồi chẳng. Tôi cố gắng dùng hai tay bám vào thành ghe, cố di chuyển cái thân hình cứng đờ của mình, cuối cùng tôi cũng đã lội lồm bồm được đến bên chân cầu thang, leo lên được tới trên sàn của chiếc ghe.

Tôi nhìn chung quanh, thấy có vài người đi lại xôn xao. Ở giữa cái sàn ghe là một cái cabin vuông vức, trên đó có một người đàn ông đang điều khiển một cái cây dài thông xuống nước. Trên cabin còn có mấy đứa bé đang nằm yên trong lòng mẹ và có hai đứa bé nhỏ xíu đang bú tí mẹ. Bầu trời xanh biêng biếc, thật bao la hùng vĩ còn tôi thì đang lênh đênh giữa biển. Mà tôi đi bằng gì thế nhỉ? Trên một chiếc ghe, một chiếc thuyền hay là một chiếc tàu? Ghe hay thuyền thì không đúng, tàu thì cũng không xong vì trông nó bé xíu, ngoài cái cabin trông hươ trông hoác ra, nó không có cả bánh lái. Điều khiển cả nguyên một con “tàu định mệnh” mà chỉ bằng một thanh gỗ

dài thay cho bánh lái, thông xuống nước, đưa qua đưa lại. Chẳng may nó bị gãy hay tuột xuống biển trôi đi mất thì chúng tôi kê như phó mặc cho ông Trời.

Nói tóm lại đây là một cái ghe đánh cá nhỏ khoảng mười hai thước, mũi ghe bầu để đi trên sông, trên lạch chứ không thể nào ra tới biển lớn gậy với sóng gió bão táp được. Thuyền ra biển phải là mũi nhọn để rẽ sóng, phải là...

Lúc tôi tìm hiểu cho ra lẽ, thì được biết đây chính là chiếc “thuyền nan” được tân trang, để toàn bộ gồm hai mươi tám người chúng tôi dùng nó để cùng đi tìm tự do. Tìm hiểu thêm nữa thì dường như là cả chú Hoè, cả hai ngư phủ và cả anh Tùng người lính hải quân kia, đều không biết gì về biển cả lẫn tàu bè, thế thì đành phó mặc cho Chúa vậy.

Mọi người lần lượt từ dưới đáy ghe bò lên, chúng tôi được biết hôm nay đã là ngày thứ Hai từ khi chúng tôi rời bến tại Long Hương. Nghe mấy chú kê: “Mấy tháng nay hai chú vẫn cứ đi ra, đi vào đánh cá gần mé biển. Mấy công an biên phòng nhìn thấy chiếc ghe quá bé nhỏ, không ai nghĩ lại có thể dùng nó để mạo hiểm vượt biển.” Lần này cũng thế, không mấy ai thèm chú ý, cứ để cho ghe ra khơi như mọi khi. Khi phát giác ra ghe chúng tôi đã đi quá xa và có vẻ khả nghi, Công an liền cho tàu rượt đuổi theo bắn tung toé về phía chiếc ghe của chúng tôi, nhưng không còn kịp nữa, ghe đã ra khỏi tầm bắn của họ rồi. Cuối cùng họ không rượt theo nữa vì với chiếc ghe bé tí tẹo như thế thì chúng tôi đang đi tự vào cõi chết rồi.

Chú thím Hoè đứng ra tổ chức, cũng là người lớn tuổi nhất, năm đó chú thím vào khoảng 40 tuổi. Chú đưa đại gia đình con cái, cháu chắt cả thảy mười ba người, gồm cả ba đời cùng đi. Hai chú ngư phủ và hai bà vợ còn trẻ chắc vào khoảng 30, có cả đồng con lúc nhúc năm bảy tuổi, con gái chú Cửu chỉ mới được hai tháng tuổi mà thôi.

Còn lại đám thanh niên chúng tôi, đứa nào cũng chỉ mới hơn hai mươi một chút. Tất cả đã lên ghe bằng nhiều ngã khác nhau và được giấu kín dưới đáy ghe cho đến hai ngày sau mới được bò lên sàn ghe. Chúng tôi có tất cả là hai mươi tám người.

Qua ngày thứ Ba, trời quang mây tạnh, chiếc ghe chạy tà tà như đi du ngoạn. Đã ra tới hải phận quốc tế từ lâu, tôi đang đợi xem có tàu ngoại quốc nào tới vớt như lời ba tôi nói không. Trong khi chờ đợi, chúng tôi được phát mỗi người một ít thức ăn khô và một chút nước đựng trong cái ca dơ bẩn được phát ngay từ lúc bị giúi xuống đáy ghe.

Trời nắng chang chang, mấy người đàn bà, con nít được ngồi ké với bác tài ở cabin cũng đỡ nóng một chút. Cabin nghe sao sang quá, nó trông giống như bộ ván nhỏ, chung quanh có mấy cây cột gỗ nhỏ để chống cái mái cũng bằng gỗ, có thêm mấy miếng ván đóng chặn hai bên hông, cao tới ngang lưng, mấy bà cháu nằm ngồi ít trên ván cũng có cái vẻ thoải mái.

Còn chúng tôi thì ngồi tràn trên sàn ghe dưới trời nắng gắt. Ai chịu không thấu thì cứ việc chui xuống hầm, nhưng bên dưới hầm rất ngột và hôi hám.

Trông ngóng mãi, mà chẳng thấy con tàu nào tới, trời dần dần sẫm tối, gió thổi mạnh, ghe chòng chành vì bắt đầu bị sóng nhồi. Ghe trôi lên hụp xuống, càng lúc càng mạnh, tất cả lại phải chui hết xuống hầm, bắt đầu cho những cuộc say sóng mới. Tôi không muốn chui trở xuống cái hầm xấp nước bẩn ấy. Tôi trông thấy trên mặt ghe có một tấm bạt được cột sát xuống sàn, tôi vội chui vào nằm dưới tấm bạt đó. Cầu mong không bị hất tung xuống biển khi sóng gió bão táp đang vỗ vập lấy chiếc ghe nhỏ bé của chúng tôi.

Bỗng tôi cảm thấy có một bàn tay của ai đó đang thò qua mò mò đụng vào người tôi, tôi quát khê:

- Trời ơi! Giờ này mà còn định làm bậy à.

Chủ nhân của bàn tay đó rút tay lại, nằm yên không lên tiếng. Ngày hôm sau sóng yên biển lặng, tôi cố nhìn vào bàn tay của từng người đàn ông, xem thử là ai? Mãi 40 năm sau, trong lúc vui miệng tôi mới kể cho mọi người cùng nghe thì anh Giang thú nhận:

- Anh chứ ai, nhưng anh đâu cố ý đâu!

- Vậy sao anh không lên tiếng?

- Không hiểu sao, nghe Dung quát anh hết cả hồn nên im luôn.

- Vậy là anh đã canh cánh bên lòng suốt bao nhiêu năm nay, có phải không... ha... ha...

Quay lại cơn sóng gió, mấy người đàn ông ở lại thay nhau điều khiển chiếc ghe, vãn bằng cái tay lái làm bằng thanh gỗ dài. Sáng sớm khi mặt trời vừa ló dạng, bầu trời lại trở nên trong vắt, sóng lại lặng yên, mọi người lại từ dưới hầm trời lên. Bỗng nghe bác tài reo lên:

- Có tàu tới rồi, được cứu rồi.

Mọi người nhón nháo vui mừng, có người mắt tốt nhìn được xa nên gào lên:

- Tàu Nhật bà con ơi, tôi thấy một chấm đỏ.

Thế là mọi người lại reo hò vui mừng, chờ mãi đến khi tàu tới gần thì lại là lá cờ màu đỏ có hình búa và lưỡi liềm cùng ngôi sao vàng ở một góc.

- Thôi chết! Tàu của Liên Bang Xô Viết chứ không phải tàu Nhật bà con ơi!

Mọi người bỗng sợ hãi, sợ nó vót mình đưa trở lại Việt Nam là ở tù một gông vì tội vượt biển. Nhưng may quá, nó chỉ đi qua nhìn một chút rồi bỏ đi luôn. Chiếc tàu to lớn như cái “binh đình” chạy ngang, gây ra các làn sóng lớn đánh vào ghe của chúng tôi, khiến chiếc ghe ngã nghiêng suýt chìm.

Thế rồi qua ngày thứ Tư, thứ Năm, ban ngày thì nóng cháy da, ban đêm thì lạnh thấu xương, còn bị sóng nhồi te tua. Thịnh thoảng thấy tàu lớn vội quơ khăn trắng cầu cứu, nó thấy mình nhưng chạy luôn. Bây giờ chúng tôi mới hiểu ra rằng, không dễ dàng như đã tưởng, là cứ cố gắng liều mạng ra tới được hải phận quốc tế là được cứu. Cũng vì những người đi trước, viết thơ về không dám nói rõ là khô cực và nguy hiểm tới dường nào, cho nên chúng tôi mới tưởng bở.

Mấy người đàn ông quyết định là không chờ tàu vớt nữa mà phải tự tìm đường đến Thái Lan. Chú Hoè có sắm một cái la bàn, chỉ việc nhắm hướng mà đi tới thôi, vậy thì đi hướng nào đây? Năm người mươi ý. Có người nói:

- Người nhà tôi viết thơ về nói là đi hướng Đông 120 độ.

- Không, phải là hướng Tây...

Mọi chuyện cứ loạn cả lên rồi cuộc không biết nghe ai bây giờ. Có người hỏi:

- Mình có bản đồ không?

Chú Hoè vui vẻ trả lời:

- Có chứ!

Chú lôi ra một mảnh giấy, có vẽ hình bản đồ Đông Nam Á, được xé ra từ một cuốn sách địa lý lớp nhì hay lớp nhất gì đó, thật là hết ý.

À, còn anh Tùng Hải quân kia để làm chi. Hỏi anh:

- Anh Tùng có biết cách định hướng bằng sao trên trời không?

- Anh Tùng có biết đi đến Thái Lan thì đi hướng nào không?

Anh Tùng gãi đầu, rồi lại gãi tai:

- Tùng mới ra trường, phục vụ cho quân đội được mấy tháng thì mất nước... Kinh nghiệm đi biển chưa có được bao nhiêu! cho nên...

Thế thì chúng ta cứ nhắm mắt lại mà đi thôi, ai có ý kiến gì hay thì cứ mang ra xài, thật là Trời cứu!

Thế rồi, chúng tôi càng đi thì càng nhận thấy biển cả đầy bất trắc. Chúng tôi ra khơi vào tháng Năm nên có rất nhiều hôm biển “lặng như tờ” (tờ đây có lẽ là tờ giấy?)

Chúng tôi ngồi trên ghe, nhìn ra xa tấp mù khơi, thấy biển thật yên lành, không có tới một một gợn sóng, phẳng như một tờ giấy, biển lặng y như một miếng thạch.

Chúng tôi, ít ra cũng là bốn đứa, anh Giang, chị Ngọc, Hoa và tôi, đang ngồi bó gối thả hồn về phía chân trời, lòng bâng khuâng nhắc nhớ về chốn quê nhà, Hoa bỗng cất tiếng:

- Ra khơi, biết mặt trăng dương, biết trời mệnh mông, biết đời viễn vông, biết ta hải hùng. Ra khơi, thấy lòng phơi phới, thấy tình thế giới. Thấy mộng ngày mai, thấy niềm tin mới...

Chúng tôi đang đắm hồn theo bài hát “Viễn Du” của Phạm Duy, thật thích hợp trong trường hợp của chúng tôi lúc này, thì bỗng dưng cả bầu trời tối sầm lại, gió bất ngờ thổi mạnh một cách điên cuồng, sóng đánh mạnh vào mạn ghe một cách hung dữ khiến cho cả chiếc ghe ngã nghiêng như muốn lật tung tất cả chúng tôi xuống lòng biển cả.

Sự thể xảy ra thật bất ngờ đến thảng thốt, nhưng sao lúc đó tôi không cảm thấy sợ hãi gì cả. Tôi còn nhớ, tôi, anh Giang và chị Ngọc, ba đứa chúng tôi im lặng ngồi dựa vào thành ở đuôi của chiếc ghe, với cái vẻ tò mò chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra với chúng tôi.

Tôi ngược mắt nhìn lên ngọn sóng trắng xóa, đang vươn cao chót vót như những tòa nhà chọc trời ở Nữ Ước, và đường

như là ngọn sóng đã vươn lên cao đến hết mức, đang sắp sửa bủa xuống với cái vẻ hung tàn mạnh bạo nhất, chắc rằng chiếc ghe sẽ tan ra thành trăm mảnh mất thôi. Đầu óc tôi bỗng dưng như bị tê liệt vì tai tôi không còn nghe được âm thanh nào nữa cả, tôi vẫn cứ mở mắt thật lớn nhìn lên và chờ đợi.

Nhưng đột nhiên gió bỗng chợt tắt, ngọn sóng bỗng nhẹ nhàng hạ xuống thật thấp, các ngọn sóng như biến thành những ngón tay mềm mại luồn xuống tận đáy ghe, đưa ghe cùng chúng tôi trôi lên cao thật cao, lên đến tận đỉnh cao chót vót, rồi lại từ từ hạ xuống, rồi lại đưa lên, rồi lại hạ xuống, mỗi lúc mỗi nhẹ dần, nhẹ dần, rồi trở lại thật bình yên.

Gió đùa với chúng tôi, hay sóng nương tay vì thấy tội nghiệp những con người bé nhỏ mạo hiểm đi tìm tự do.

Chúng tôi lầy lắt, được đến ngày thứ Năm thì nghe chú Hoè tuyên bố:

- Chúng ta sắp hết nước uống rồi, mọi người phải chịu khó nhịn khát đấy nhé.

Nghe nói thế, mọi người đề nghị hãy đọc kinh cầu xin Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, xin ngài cho trời mưa để hứng nước uống. Liền lúc ấy thím Hoè cất tiếng cầu nguyện và mọi người thành tâm cầu theo râm ran.

Đúng lúc ấy trời đang khô ráo nắng đang chói chan, bỗng dưng mây đen từ đâu kéo đến, đúng chỗ con thuyền chúng tôi mà gầm gừ rồi chuyển mưa. Chú Hoè nhanh nhẹn chạy xuống hầm kéo cái thùng rác bự tổ chẳng mà hôm nọ tới giờ, dành để chứa nước uống. Trong thùng còn khoảng một phần năm nước ngọt, chú mạnh tay đổ ụp xuống. Mấy người đàn ông hốt hoảng kêu lên:

- Sao ông lại đổ hết nước đi thế kia?

Chú Hoè vui vẻ nói:

- Không sao đâu, trời sắp mưa to rồi tha hồ cho chúng ta hứng đầy thùng, để dành uống.

Trời nổi cơn sấm sét, gió thổi mạnh, những hạt mưa to bắt đầu rơi. Chú Hoè hỏi mấy người đàn ông, mỗi người cầm một góc căng tấm bạt lớn ra hứng nước mưa, còn phần chú thì kéo cái thùng rác rỗng ra một góc của tấm bạt chuẩn bị hứng nước mưa. Nhưng than ôi, mưa càng lớn gió càng to, sóng càng vỗ mạnh vào thân chiếc ghe, khiến chiếc ghe trông thành ngã

ngiên dũ dội, nước mưa trên trời rơi xuống lẫn vào nước biển bị sóng đánh mạnh văng vào tấm bạt, nước dưới biển tràn cả vào ghe, chiếc ghe sắp sửa chìm xuống lòng của biển cả.

Ngay lập tức, không ai nói với ai mà mọi người tự động chuyển lời cầu xin Đức Mẹ, hãy cho ngừng mưa, không thì chết hết cả đám, và trời, đã ngừng mưa trong sự ngỡ ngàng lẫn sợ hãi của chúng tôi.

Có thật là những lời cầu xin với Đức Mẹ đã được ứng nghiệm đến thế chăng? Mọi người lại tiếp tục đọc kinh cầu nguyện cho được bình an, nhưng nước mưa thì không hứng được giọt nào, trong thùng thì toàn là nước biển mặn chát!

Mọi người phải hì hục tát hết nước trong ghe ra, kéo ghe chìm mát. Máy móc sau những ngày vật vã trên biển cũng đang bắt đầu gặp trục trặc, những người đàn ông trên ghe phải đôn đáo mỗi người một việc, nước uống thì đã cạn khô.

Ngày hôm sau trời nắng gắt nhưng không còn nước để phân phát cho mọi người. Trẻ con lẫn người lớn mệt lả vì bị thiếu nước trầm trọng. Mọi người nằm la liệt, không buồn nhúc nhích. Có người đề nghị cất nước bằng cách đun sôi nước biển, nước bốc hơi lên cái nắp nồi, ta canh chừng hứng những giọt nước đó cho các em bé uống.

Nhưng không có ai đủ kiên nhẫn ngồi đó đun nước đợi bốc hơi, họ nằm bẹp cả ra rồi. Tôi cũng không khác gì mọi người, nhưng dầu sao vẫn còn trẻ tuổi nên sức chịu đựng còn khá tốt. Buổi tối, tôi nhìn quanh trông thấy mọi người đang chìm vào những cơn ác mộng, không còn khả năng chống chọi với các cơn khát khô người, tôi lo lắng mon men tới gần chú Quảng, đang ngồi yên lặng điều khiển chiếc ghe, tôi hỏi:

- Liệu chú có chịu nổi cơn khát này không chú Quảng?

Chú gơ ra cho tôi thấy một nửa trái chanh, chú giấu ở một góc của cái cabin, và nói:

- Không sao đâu!

Chú cho tôi biết, chú đã âm thầm tích trữ một vài trái chanh, chừng nào khát quá chú sẽ nặn vào lưới một vài giọt, chú phải làm vậy để có thể cầm cự điều khiển chiếc ghe này và chờ đợi phép lạ. Chú hỏi tôi có muốn một vài giọt không, tôi không nhớ là tôi có xin chú giọt nào không!

Trong bầu trời đục sương của buổi sáng, tôi nâng đứa bé hai tháng tuổi, con của chú Cửu, kê miệng nó vào góc của cái nóc cabin, mong hứng được cho nó vài giọt sương đêm còn đọng lại trên mảnh gỗ mục, tôi thấy nó chép miệng không biết là giọt sương đó có mặn không?

Thuyền trôi lênh đênh qua tới ngày thứ sáu, trời quang mây tạnh, chúng tôi thấy tuốt ở góc chân trời một vệt xanh thẫm, chắc là bờ rồi. Càng đi tới chúng tôi càng có hy vọng. Đến quá trưa thì chúng tôi bắt gặp những cái lưới cá, nhìn quanh, mút mắt cũng chẳng thấy có ai.

Giờ tấm lưới lên chúng tôi bắt được một con cá Hồng thật to, chúng tôi bàn nhau hấp lên ăn cho có chất nước. Cá hấp chín rồi, tôi chia cho mỗi người một miếng. Ăn xong chúng tôi cảm thấy đỡ đói được một chút, nhưng sau đó lại càng thấy khát nước hơn, tôi đề nghị lấy giấy buộc vào ngang bụng rồi nhảy xuống biển tắm cho mát, có thể bớt khát chăng?

Lúc đó chưa được xem phim cá mập (Jaw) nên cứ nhảy ùm xuống tắm thoải mái...

Bỗng tôi nghe chú Quảng reo lên:

- Có thuyền đi tới mọi người ơi, chúng ta có nước uống rồi.

Từ xa có một chiếc thuyền đang đi tới, mọi người nhòe cả dẫy, chờ đợi.

Có ai đó lên tiếng:

- Chết! Mình sẽ nói với họ bằng tiếng gì đây? Họ là người quốc gia nào? Liệu họ có hiểu mình cần gì, muốn gì không?

Tôi buột miệng:

- Nếu họ là người Thái Lan thì cháu sẽ nói chuyện với họ.

- Ô, cô nói được tiếng Thái à, thế thì chúng ta may quá rồi.

Quả nhiên họ là ngư phủ Thái Lan, tàu đánh cá ở quanh vùng này, họ cập sát vào thuyền chúng tôi, tò mò nhìn sang.

- Sa wat đi kha.

Tôi cất tiếng chào làm họ giật mình. Tôi cho họ biết chúng tôi là những người vượt biển để xin tị nạn và rất đang cần nước uống. Họ nghe thế liền mang nước ngọt, nước đá, có cả cà phê nữa đưa sang cho chúng tôi uống. Chúng tôi vui mừng phân chia cho mọi người cùng uống. Trong nhóm có chị Ngọc là sinh viên y khoa, chị vội cầm mọi người lại và bảo:

- Mọi người hãy uống từng ít một thôi vì đã nhịn khát lâu ngày, nếu uống vô một lúc nhiều quá, cơ thể của mình chưa điều chỉnh kịp sẽ gây tác hại, nguy hiểm lắm đấy.

Chị nói gì thì nói, mọi người cứ uống lấy uống đê, chẳng thấy có ai bị gì cả.

Uống nước xong, mọi người đã tỉnh hồn, chú Hoè phân phát thêm thức ăn khô cho mọi người cùng ăn đê lấy lại sức.

Tôi nói với người chủ ghe đánh cá rằng chúng tôi cần được giúp đỡ đê lên bờ xin tị nạn, họ cho biết họ không hiểu gì về chuyện vượt biển của chúng tôi, họ bảo tôi cứ tiếp tục đi tới nữa sẽ gặp một bán đảo, nơi đó có nhiều dân cư họ có thể giúp đỡ chúng tôi.

Họ nhìn vào cái ghe rách bươm của chúng tôi, chẳng có cái gì quý giá ngoài cái la-bàn. Họ tỏ vẻ muốn xin, tôi nói rằng chúng tôi chỉ có một cái đê định hướng đi không thể cho được, họ cũng thôi và từ giã chúng tôi rồi bỏ đi.

Hồi đó chúng tôi không biết gì về hải tặc nên cứ tỉnh bơ xin xỏ đủ thứ, còn dám từ chối sự ngỏ ý muốn xin cái la-bàn của chúng tôi nữa chứ. Bây giờ nghĩ lại thật là hú hồn, nhưng chính ra họ là những người tốt và trong một ý nghĩ nào đó, tôi chính là đồng hương của họ.

Sở dĩ tôi nói được tiếng Thái là vì gia đình chúng tôi đã từng ở Vạn Tượng, thủ đô của nước Lào, một thời gian khá dài. Ba má tôi thỉnh thoảng có đưa chúng tôi qua Thái Lan chơi. Bạn bè thích nói tiếng Thái hơn tiếng Lào, xem toàn ciné Thái mà tiếng Lào với tiếng Thái có một số từ ngữ rất giống nhau.

Sau khi có đầy đủ nước uống, lấy lại sức khoẻ và bình tĩnh trở lại, chúng tôi tiếp tục lên đường nhắm theo hướng người ngư phủ chỉ lúc nãy. Thuyền chạy sập sinh được một lúc khá lâu, mặt biển lặng yên, mặt trời đỏ ối to bằng cái nia đang từ từ chìm xuống, bầu trời bắt đầu nhá nhem.

Chúng tôi nhìn thấy một bãi biển cát trắng chạy dài thoải thoải, xa xa là hàng dừa đang ngả nghiêng vui đùa với gió. Tôi ngẩn ra nhìn, quên mất là mình đang vượt biển tìm tự do...

Hoàngdungdc